

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN PHẠM TỘI DƯỚI GÓC ĐỘ LÀ ĐỐI TƯỢNG CHỨNG MINH TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ

PHẠM THÁI

Khoa Luật Hình sự, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh
Faculty of Criminal Law, Ho Chi Minh City University of Law
Email: pthai@hcmulaw.edu.vn

Tóm tắt

Bài viết phân tích nguyên nhân và điều kiện phạm tội như một đối tượng chứng minh được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 hiện hành. Những hạn chế khi mở rộng phạm vi đối tượng chứng minh là nguyên nhân, điều kiện phạm tội cũng sẽ được tìm hiểu, đánh giá. Trên cơ sở đó, bài viết kiến nghị một số giải pháp hoàn thiện Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và tăng cường hiệu quả trong việc áp dụng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 trong thực tiễn.

Từ khóa: nguyên nhân và điều kiện phạm tội, đối tượng chứng minh, tố tụng hình sự

Abstract

The article analyzes reasons and conditions as an attestation according to the 2015 Criminal Procedure Code. The article also researches and evaluates limitations when expanding the scope of responsibility of proof through reasons and conditions leading to the crime attestation. On that basis, the article suggests solutions to improving the 2015 Criminal Procedure Code and increasing efficiency in applying the Code in practice.

Keywords: reasons and conditions leading to crime, attestation, criminal procedure code

Ngày nhận bài: 25/11/2023

Ngày duyệt đăng: 15/01/2024

Để giải quyết đúng đắn các vụ án hình sự, vấn đề rất quan trọng đặt ra cho các chủ thể có thẩm quyền tiến hành tố tụng là phải xác định chính xác vấn đề cần phải chứng minh, từ đó xây dựng kế hoạch chi tiết để thu thập đầy đủ chứng cứ, phục vụ cho hoạt động chứng minh. Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015 hiện hành đã quy định một cách cụ thể về những vấn đề cần phải chứng minh khi giải quyết các vụ án hình sự tại điều luật đầu tiên trong một chương riêng biệt về chứng minh và chứng cứ.¹ Điều này có ý nghĩa bắt buộc đối với các cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong việc giải quyết các vụ án hình sự. Nếu các BLTTHS năm 1988, năm 2003 chỉ quy định những vấn đề cần phải chứng minh trong vụ án hình sự chủ yếu liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội, người thực hiện hành vi phạm tội, BLTTHS năm 2015 đã mở rộng hơn về phạm vi các vấn đề cần phải chứng minh, thông qua đó mở rộng cả trách nhiệm chứng minh của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Với quy định về đối tượng chứng minh của BLTTHS hiện hành, đối tượng chứng minh không chỉ là hành vi phạm tội, chủ thể của tội phạm, mà các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng còn phải làm sáng tỏ các nguyên

¹ Điều 85 Chương VI, BLTTHS năm 2015.

nhân và điều kiện phạm tội cũng như những tình tiết khác có liên quan đến việc loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt đối với chủ thể tội phạm.² Ở đây, có thể thấy rõ nội dung các vấn đề cần chứng minh trong tố tụng hình sự không chỉ bao gồm các dấu hiệu, đặc điểm của đối tượng chứng minh mang tính pháp lý hình sự, có ý nghĩa trực tiếp đối với việc định tội danh, định khung hình phạt, giải quyết đúng đắn các vụ án hình sự, mà còn hướng đến mục tiêu phòng ngừa tội phạm thông qua việc nhận diện, hạn chế, khắc phục các nguyên nhân và điều kiện phạm tội. Mở rộng phạm vi đối tượng cần phải chứng minh trong vụ án hình sự còn buộc các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải khách quan, công bằng, toàn diện hơn trong việc thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ, khắc phục được sự phiến diện, định kiến, quá coi trọng việc buộc tội khi giải quyết các vụ án hình sự.

1. Khái quát về nguyên nhân và điều kiện phạm tội với tư cách là đối tượng chứng minh trong tố tụng hình sự

Những bổ sung của BLTTHS hiện hành về phạm vi các vấn đề cần phải chứng minh trong vụ án hình sự được ghi nhận tại Điều 85 có sự định hướng mang tính hệ thống từ các quy định của bộ luật này ở ngay những nội dung đầu tiên được quy định tại Điều 6 về “Phát hiện và khắc phục nguyên nhân, điều kiện phạm tội”:

“1. Trong quá trình tiến hành tố tụng hình sự, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm phát hiện nguyên nhân và điều kiện phạm tội, yêu cầu, kiến nghị cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp khắc phục và phòng ngừa.

2. Cơ quan, tổ chức hữu quan phải thực hiện yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, kiến nghị, cơ quan, tổ chức hữu quan phải trả lời bằng văn bản về việc thực hiện yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.”

Nội dung của Điều 6 BLTTHS hiện hành đã cụ thể hóa, tăng tính ràng buộc về trách nhiệm pháp lý của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đối với việc phát hiện và khắc phục nguyên nhân, điều kiện phạm tội so với quy định tại Điều 27 BLTTHS năm 2003. Nhất quán với quan điểm đã được định hướng ở phần chung, nhà làm luật đã bổ sung các vấn đề cần phải chứng minh trong vụ án hình sự, cụ thể là nghĩa vụ chứng minh đối với cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng tại khoản 5, khoản 6 của Điều 85 BLTTHS năm 2015. Đối tượng chứng minh này cũng giống như các vấn đề cần phải chứng minh được quy định ở các khoản 1, 2, 3 và 4 của Điều 85 sẽ được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng nhận thức, làm rõ thông qua hệ thống chứng cứ được thu thập trong các giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử.

2 Khoản 5, khoản 6 Điều 85 BLTTHS năm 2015.

BLTTHS hiện hành không có quy định nào định nghĩa hay giải thích nguyên nhân, điều kiện phạm tội là gì. Phép biện chứng duy vật của chủ nghĩa Mác-Lênin cũng chỉ ra: “Nguyên nhân là phạm trù triết học dùng để chỉ sự tác động qua lại giữa các mặt, các bộ phận, các thuộc tính trong một sự vật hoặc giữa các sự vật với nhau gây ra một sự biến đổi nhất định... Điều kiện là hiện tượng cần thiết để nguyên nhân phát huy tác động. Trên cơ sở đó gây ra một biến đổi nhất định. Nhưng bản thân điều kiện không phải nguyên nhân”.³ Nguyên nhân, điều kiện phạm tội là biểu hiện sinh động và cụ thể của mối quan hệ nhân - quả trong nội dung của phép biện chứng duy vật. Việc “phạm tội” của một chủ thể chính là kết quả tất yếu đặt trong mối quan hệ với nguyên nhân và điều kiện đã làm sản sinh ra nó. Vì vậy, muốn triết tiêu kết quả là việc lựa chọn “phạm tội” thì “phải làm mất nguyên nhân tồn tại của nó, cũng như những điều kiện để các nguyên nhân ấy phát huy tác dụng”.⁴ Đây chính là ý nghĩa phương pháp luận mà phép biện chứng duy vật của chủ nghĩa Mác-Lênin đã định hướng cho các nghiên cứu về nguyên nhân và điều kiện của tội phạm cụ thể của tội phạm học Việt Nam hiện đại.

Dưới góc độ nghiên cứu của tội phạm học, nguyên nhân và điều kiện phạm tội được hiểu là những đặc điểm cá nhân của người phạm tội và những tình huống, hoàn cảnh khách quan bên ngoài, trong sự tác động lẫn nhau dẫn đến việc thực hiện một tội phạm cụ thể.⁵ Có thể nhận thấy rằng nguyên nhân, điều kiện phạm tội như khái niệm vừa nêu là một cơ chế tác động giữa cá nhân với môi trường, hoàn cảnh khách quan bên ngoài, sự tương tác của hai bộ phận này sẽ làm phát sinh động cơ, mục đích phạm tội, việc kế hoạch hóa hoạt động phạm tội và thực hiện tội phạm trong thực tế. Việc các chủ thể có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải chứng minh nguyên nhân, điều kiện phạm tội theo quy định tại khoản 5 Điều 85 BLTTHS năm 2015 thực chất là phải làm sáng tỏ hai bộ phận cơ bản trong cơ chế của hành vi phạm tội đó là những yếu tố thuộc về cá nhân của nghi phạm và những yếu tố thuộc về môi trường, hoàn cảnh bên ngoài (học tập, công tác, sinh hoạt...) trong sự tương tác, cộng hưởng lẫn nhau làm phát sinh động cơ của hành vi phạm tội, để rồi động cơ phạm tội sẽ thúc đẩy hành vi phạm tội diễn ra ngay sau đó.

Với tư cách là một vấn đề cần phải chứng minh trong tố tụng hình sự, nguyên nhân, điều kiện phạm tội phải được làm rõ về nội dung, về mức độ, vai trò tác động trong việc thực hiện tội phạm của chủ thể, từ đó các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng mới có cơ sở để thực hiện việc kiến nghị các giải pháp phòng ngừa tội phạm thông qua việc khắc phục, sửa chữa những hạn chế, thiếu sót của các chủ thể có liên quan. Từ những vấn đề đã nêu ở

3 Học viện Chính trị quốc gia TP. Hồ Chí Minh, *Giáo trình Triết học Mác-Lê nin*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2022, tr. 82.

4 Học viện Chính trị quốc gia TP. Hồ Chí Minh, *tlđđ*, tr. 84.

5 Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, *Giáo trình Tội phạm học*, Nxb. Hồng Đức - Hội Luật gia VN, 2017, tr. 216.

trên có thể nhận thức một cách khái quát về một số đặc điểm của đối tượng chứng minh là nguyên nhân, điều kiện phạm tội được quy định tại khoản 5 Điều 85 BLTTHS năm 2015 như sau:

Một là, nguyên nhân, điều kiện phạm tội là vấn đề phải chứng minh mang tính tổng hợp nhận thức từ các vấn đề phải chứng minh đã được quy định trước đó (tại các khoản 1, 2, 3, 4 của Điều 85 BLTTHS năm 2015). Các chủ thể chứng minh buộc phải sử dụng tư duy tổng hợp, quy nạp để có thể nhận thức một cách đầy đủ, toàn diện về nguyên nhân, điều kiện phạm tội trong các vụ án hình sự. Xét trên phương diện nghiên cứu Tội phạm học thì nguyên nhân, điều kiện phạm tội chính là sự tương tác của hai nhóm nhân tố là “các đặc điểm cá nhân thuộc về người phạm tội” và “tình huống, hoàn cảnh đến từ môi trường bên ngoài”. Hành vi phạm tội được biểu hiện trên thực tế là kết quả đến từ sự tác động của hai nhóm nhân tố này. Chứng minh đầy đủ về hành vi phạm tội đã xảy ra trên thực tế như thế nào, ai là người đã thực hiện hành vi đó với các yếu tố chủ quan như lỗi, động cơ, mục đích phạm tội thực chất là đã làm rõ một phần các đặc điểm tâm lý tiêu cực của người bị buộc tội trong giai đoạn sớm của quá trình tố tụng.

Theo nghiên cứu tội phạm học, các đặc điểm tâm lý tiêu cực của người phạm tội được hình thành trong một quá trình lâu dài để khi gặp tình huống phạm tội cụ thể sẽ hình thành động cơ, mục đích thúc đẩy, chỉ đạo, định hướng cho việc thực hiện hành vi phạm tội. Các khoản 1 và 2 của Điều 85 BLTTHS năm 2015 cho thấy các vấn đề cần chứng minh này góp phần làm sáng tỏ nhóm yếu tố thuộc về chủ quan của người phạm tội trong cơ chế hành vi. Khoản 3 của Điều 85 BLTTHS năm 2015 đề cập các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo và đặc điểm về nhân thân của bị can, bị cáo. Dưới góc độ nghiên cứu tội phạm học, thực chất nội dung của những tình tiết này cũng có những yếu tố phản ánh đặc điểm nhân thân người phạm tội. Có tiến hành làm rõ được các đặc điểm nhân thân của bị can, bị cáo thì mới có thể nhận thức được đầy đủ về nguyên nhân, điều kiện phạm tội (từ phía nhân tố chủ quan thuộc về họ). Quy định tại các khoản 1, 2 và 3 của Điều 85 BLTTHS năm 2015 còn cho thấy trình tự chặt chẽ của các vấn đề cần phải chứng minh của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Các vấn đề cần phải chứng minh được mở rộng dần về phạm vi, mức độ đồng thời cũng cho thấy tiến độ thời gian giải quyết vụ án qua mỗi giai đoạn tố tụng khác nhau từ khởi tố, điều tra, xét xử. Khi nhận thức được đầy đủ các vấn đề cần chứng minh được quy định ở các khoản trước đó của điều luật này thì vấn đề nguyên nhân, điều kiện phạm tội sẽ dần lộ diện và được làm sáng tỏ trong vụ án hình sự. Đây cũng là quy luật tất yếu của quá trình nhận thức trong việc giải quyết các vụ án hình sự.

Hai là, nguyên nhân, điều kiện phạm tội là đối tượng chứng minh giúp

cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có được cái nhìn tổng quan, toàn diện trong việc thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ, từ đó xây dựng tư duy biện chứng, khách quan, khoa học trong việc giải quyết vụ án hình sự. Sự thấu hiểu nguyên nhân, điều kiện phạm tội sẽ giúp cho việc lý giải chính xác nguồn gốc của việc hình thành những đặc điểm tiêu cực trong tâm lý cá nhân nghi can đã thực hiện tội phạm. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng cũng nhận thức được đầy đủ những hạn chế, bất cập, những vi phạm, thiếu sót do cơ chế, chính sách, do con người gây ra đã tạo ra những “lỗ hổng” trong hoạt động quản lý, tạo ra những điều kiện thuận lợi đối với việc phạm tội như thế nào. Trên cơ sở đó, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đề xuất các kiến nghị phòng ngừa tội phạm hiệu quả trong xã hội, đồng thời cũng sẽ có sự cân nhắc hợp lý trong việc quyết định biện pháp trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội.

Mặt khác, việc quy định nguyên nhân, điều kiện phạm tội là vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự đã tạo ra sự gắn kết chặt chẽ với vấn đề phải chứng minh được quy định ở khoản 6 Điều 85 về “Những tình tiết khác liên quan đến việc loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt”. Vì một khi đã làm rõ nguyên nhân, điều kiện phạm tội có thể dẫn tới việc cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng tiếp cận được với những căn cứ dẫn đến việc loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt cho bị can, bị cáo theo quy định tương ứng của BLHS năm 2015. Việc bổ sung các quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 85 BLTTHS hiện hành là một dụng ý của nhà làm luật để “nhắc nhở”, cảnh báo các chủ thể của hoạt động chứng minh tránh đi theo “lối mòn” của tư duy buộc tội, một chiều, thiếu sự phân biện như đã từng xảy ra trong hoạt động tố tụng hình sự từ trước đến nay.

Ba là, quy định vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự là nguyên nhân, điều kiện phạm tội tại khoản 5 Điều 85 BLTTHS năm 2015 mở rộng hơn về đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự; do đó, mở rộng nghĩa vụ chứng minh của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng và tất yếu sẽ làm phát sinh chi phí tuân thủ pháp luật của các chủ thể có liên quan. Trước hết là cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng buộc phải sử dụng nhiều nguồn lực hơn trong việc thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ để phát hiện, làm sáng tỏ nguyên nhân, điều kiện phạm tội trong từng vụ án hình sự. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải chứng minh một cách thuyết phục thông qua hệ thống chứng cứ về mối quan hệ nhân quả của nguyên nhân, điều kiện phạm tội với hành vi phạm tội đã xảy ra trên thực tế. Phải giúp cho các chủ thể có liên quan nhận thức được một cách đầy đủ, toàn diện về vai trò của nguyên nhân, điều kiện phạm tội trong mỗi vụ án hình sự được thụ lý, giải quyết. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có thể ban hành các yêu

cầu, kiến nghị đối với các chủ thể liên quan trong việc khắc phục, hạn chế nguyên nhân, điều kiện phạm tội theo quy định tại khoản 8 Điều 166, Điều 264, Điều 265, khoản 7 Điều 267 BLTTHS năm 2015.

Đối với các cơ quan, tổ chức hữu quan cũng được quy định rõ ràng về trách nhiệm thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng tại khoản 2 Điều 6, Điều 168 BLTTHS năm 2015. Trong đó có những ràng buộc rất cụ thể về thời hạn, thủ tục, trách nhiệm pháp lý đối với các chủ thể này như: “Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, kiến nghị, cơ quan, tổ chức hữu quan phải trả lời bằng văn bản về việc thực hiện yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng” (khoản 2 Điều 6 BLTTHS năm 2015), hay quy định: “Trường hợp không chấp hành mà không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan thì bị xử lý theo quy định của pháp luật” (Điều 168 BLTTHS năm 2015). Đối với việc thực hiện kiến nghị của Tòa án, khoản 1 Điều 264 BLTTHS năm 2015 quy định: “Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được kiến nghị của Tòa án, cơ quan, tổ chức nhận được kiến nghị phải thông báo bằng văn bản cho Tòa án biết về những biện pháp được áp dụng”.

Thực tiễn cho thấy qua các vụ án lớn xảy ra trong thời gian gần đây như vụ án Việt Á, vụ án vi phạm quy định về phòng cháy chữa cháy, vi phạm quy định về trật tự xây dựng xảy ra ở một số địa chỉ kinh doanh karaoke ở một số địa phương, đặc biệt là vụ cháy gây thiệt hại lớn về người xảy ra ở chung cư trên phố Khuông Hạ, quận Thanh Xuân, Hà Nội, ngay sau thời điểm xảy ra các vụ án này, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã kiến nghị các cơ quan, tổ chức hữu quan tiến hành rà soát, thanh tra, kiểm tra toàn diện các lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan. Chi phí tuân thủ pháp luật phát sinh đối với tất cả các bên liên quan và ảnh hưởng không nhỏ đến nhiều mặt của đời sống xã hội. Đặc điểm này cho thấy để phòng ngừa hiệu quả tội phạm xảy ra và hạn chế đến mức thấp nhất các chi phí tuân thủ pháp luật phát sinh sau khi xảy ra tội phạm thì mọi chủ thể hữu quan không còn cách nào khác là phải tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật. Mọi cơ quan, tổ chức phải thượng tôn pháp luật, phải “làm đúng ngay từ đầu” và chủ động phát hiện các thiếu sót, vi phạm trong công tác quản lý để có thể khắc phục, sửa chữa từ sớm, từ xa, không để cho hành vi phạm tội có thể phát sinh.

2. Quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 về đối tượng chứng minh là nguyên nhân, điều kiện phạm tội trong việc giải quyết các vụ án hình sự và thực tiễn áp dụng

Hiện tại, đang có sự thiếu thống nhất trong các quy định ở phần chung và các quy định cụ thể liên quan đến quyền kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng với các cơ quan, tổ chức hữu quan trong việc khắc phục các nguyên nhân, điều kiện phạm tội là đối tượng được chứng minh

trong vụ án hình sự. Sự thiếu thống nhất này thể hiện ở một số khái niệm chưa được định nghĩa, giải thích và chưa được diễn đạt thống nhất thông qua kỹ thuật lập pháp của nhà làm luật.

Thứ nhất, khái niệm về quyền “yêu cầu”, quyền “kiến nghị” chưa có sự phân biệt rõ ràng Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng khi nào thực hiện quyền yêu cầu, khi nào thực hiện quyền kiến nghị. Khoản 1 Điều 6 BLTTHS năm 2015 quy định chung là: “Trong quá trình tiến hành tố tụng hình sự, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm phát hiện nguyên nhân và điều kiện phạm tội, yêu cầu, kiến nghị cơ quan tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp khắc phục và phòng ngừa”. Tuy nhiên, tại các khoản 8 Điều 166, Điều 264, Điều 265, khoản 7 Điều 267 chỉ thể hiện các cơ quan có quyền kiến nghị là Viện kiểm sát, Tòa án. Cơ quan điều tra và cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra chỉ được quyền ra quyết định, yêu cầu theo quy định tại Điều 168 BLTTHS năm 2015.

Thứ hai, khái niệm “nguyên nhân, điều kiện phạm tội” là đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự ở một số trường hợp được thay thế bằng các cụm từ có nội hàm tương tự hoặc có liên quan như “áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật”, “sửa chữa thiếu sót, vi phạm trong công tác quản lý”, “phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật trong hoạt động quản lý” (khoản 1 Điều 6, khoản 8 Điều 166, khoản 1 Điều 264, khoản 7 Điều 267) là chưa có sự thống nhất và chuẩn hóa về khái niệm.

Kết quả chứng minh về nguyên nhân, điều kiện phạm tội đã được các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng sử dụng hiệu quả trong việc giải quyết đúng đắn các vụ án hình sự trong thời gian vừa qua. Đồng thời, kết quả chứng minh về nguyên nhân, điều kiện phạm tội đối với một số nhóm tội phạm, loại tội phạm còn được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng tiến hành tổng kết, hệ thống, kiến nghị đối với các chủ thể liên quan để kịp thời tiến hành các biện pháp phòng ngừa hiệu quả. Đơn cử như năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã ban hành kiến nghị khắc phục và phòng ngừa vi phạm, tội phạm xảy ra trong lực lượng Công an nhân dân thông qua công tác điều tra vụ án hình sự và kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm liên quan đến ngành công an nhân dân.⁶ Cũng trong năm 2021, VKSNDTC đã ban hành hai bản Kiến nghị về việc khắc phục và phòng ngừa vi phạm, tội phạm xảy ra trong ngành Tòa án nhân dân, trong công tác thi hành án dân sự thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Tư pháp.⁷⁸

Tuy nhiên, đối với việc thực hiện trách nhiệm yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đối với các cơ quan, tổ chức hữu quan

6 Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, “Kiến nghị khắc phục và phòng ngừa vi phạm, tội phạm xảy ra trong lực lượng CAND”, Hà Nội, tháng 11/2021.

7 VKSNDTC, *ltd.*

8 VKSNDTC, *ltd.*

trong việc khắc phục nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm, không phải trong mọi vụ án hình sự đều có sự biểu hiện đầy đủ, thống nhất. Xuất phát từ sự đa dạng, phức tạp trong các nguyên nhân, điều kiện phạm tội ở mỗi nhóm tội phạm, loại tội phạm khác nhau cũng như đặc điểm của môi trường, hoàn cảnh, điều kiện tổ chức, quản lý của các chủ thể liên quan mà các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng thường tập trung trong một số vụ việc điển hình.⁹ Liên quan đến việc giải quyết vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra tại tập đoàn Tân Hoàng Minh và các đơn vị, tổ chức liên quan, cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an đã kiến nghị hàng loạt nội dung nhằm bịt kín những “lỗ hổng” trong việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp. Bổ sung, hoàn thiện quy trình tổ chức, giám sát giao dịch trái phiếu doanh nghiệp, rà soát tổng thể đối với các ngân hàng thương mại “yêu cầu các ngân hàng thương mại gồm Vietinbank, Vietcombank, SHB tổ chức rà soát, kiểm điểm việc cung cấp dịch vụ quản lý tài khoản, quản lý tài sản bảo đảm các gói trái phiếu riêng lẻ của Công ty Ngôi sao Việt, Soleil, Cung điện mùa đông, trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm cần chấn chỉnh, xử lý nghiêm về mặt đảng và chính quyền đối với những cá nhân, đơn vị có liên quan”.¹⁰

Việc tập trung làm rõ nguyên nhân, điều kiện phạm tội của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong các vụ án về kinh tế, tham nhũng lớn gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng cho xã hội luôn được các cơ quan giám sát của Quốc hội đặc biệt quan tâm, đôn đốc thực hiện. Báo cáo của Ủy ban Tư pháp thẩm tra về công tác phòng chống tham nhũng của Chính phủ năm 2023 cũng có nội dung đề nghị các cơ quan chức năng thông qua việc giải quyết các vụ án tham nhũng lớn như vụ Công ty cổ phần Tiến bộ quốc tế (AIC), vụ án Việt Á, vụ Vạn Thịnh Phát hay vụ “chuyến bay giải cứu” xảy ra ở Bộ Ngoại giao và một số cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương và một số địa phương phải làm rõ nguyên nhân phát sinh tội phạm để có thể phòng ngừa. Ủy ban Tư pháp đã đề nghị Chính phủ, TAND Tối cao, VKSND Tối cao, Kiểm toán nhà nước đánh giá rõ hơn về nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm. Từ đó, các cơ quan quản lý rút ra bài học kinh nghiệm để chấn chỉnh, ngăn chặn những vụ việc tương tự trong thời gian tới.¹¹

Tuy nhiên, thực tiễn cũng cho thấy không phải trong mọi vụ án hình sự, kết quả chứng minh về nguyên nhân, điều kiện phạm tội của các cơ quan có

9 Phương Thủy - Nguyễn Lan, “Cơ quan điều tra có nhiều kiến nghị hoàn thiện cơ chế chính sách phòng ngừa tội phạm”, *Cổng thông tin điện tử Bộ Công an*, <https://bocongan.gov.vn/bo-truong/tin-hoat-dong/co-quan-dieu-tra-co-nhieu-kien-nghi-hoan-thien-co-che-chinh-sach-phong-ngua-toi-pham-d2-t2991.html>, truy cập ngày 29/10/2023.

10 Minh Đức, Vụ Tân Hoàng Minh, “Cơ quan điều tra kiến nghị nhiều biện pháp bịt lỗ hổng kinh doanh trái phiếu”, *Báo điện tử Tiền Phong*, 03/10/2023, <https://tienphong.vn/vu-tan-hoang-minh-co-quan-dieu-tra-kien-nghi-nhieu-bien-phap-bit-lo-hong-kinh-doanh-trai-phieu-post1574732.tpo>, truy cập ngày 29/10/2023.

11 Sơn Hà, “Đề nghị làm rõ điều kiện phát sinh tội phạm ở nhiều đại án tham nhũng”, <https://vnexpress.net/de-nghi-lam-ro-dieu-kien-phat-sinh-toi-pham-o-nhieu-dai-an-tham-nhung-4667724.html>, truy cập ngày 29/10/2023.

thẩm quyền tiến hành tố tụng đều được sử dụng như là căn cứ để ban hành kiến nghị sửa chữa thiếu sót, vi phạm trong công tác quản lý của các cơ quan, tổ chức. Điều này có thể xuất phát từ một số lý do sau:

Thứ nhất, cơ chế tâm lý - xã hội của hành vi phạm tội thể hiện sự tương tác của tổng thể các nhân tố chủ quan của người phạm tội với các nhân tố khách quan đến từ môi trường. Tùy thuộc vào từng loại tội phạm, từng hành vi phạm tội cụ thể mà vai trò của nhân tố khách quan lại có sự biểu hiện khác nhau. Việc xác định và làm rõ nguyên nhân, điều kiện phạm tội có nguồn gốc từ những thiếu sót, vi phạm trong công tác quản lý của các chủ thể liên quan (là các cơ quan, tổ chức) hay không đóng vai trò rất quan trọng trong việc cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng sẽ ban hành kiến nghị đối với các chủ thể này hay không. Như vậy, nếu có tội phạm xảy ra nhưng nguyên nhân, điều kiện phạm tội không đến từ phía các cơ quan, tổ chức hữu quan hoặc các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng không thể chứng minh được mối quan hệ nhân - quả này thì tất yếu các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng không thể ban hành văn bản kiến nghị đối với các cơ quan, tổ chức đó.

Thực tiễn cho thấy các tội phạm về kinh tế, tham nhũng, các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng, các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính là các nhóm tội phạm mà hành vi phạm tội cụ thể thường có nguyên nhân, điều kiện bắt nguồn từ những thiếu sót, vi phạm trong công tác quản lý đã được chứng minh và kiến nghị nhiều nhất. Đối với các tội xâm phạm sở hữu, các tội xâm phạm một số quyền nhân thân của con người trong thực tế chỉ có vai trò trực tiếp của người bị hại mà không thấy được vai trò gián tiếp của chủ thể quản lý là các cơ quan, tổ chức hữu quan nên mặc dù có kết quả chứng minh nguyên nhân, điều kiện phạm tội nhưng cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng cũng không ban hành các kiến nghị đơn lẻ cho từng vụ việc phạm tội. Trong các trường hợp này, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng thường có sự tổng kết, đánh giá chung về nguyên nhân, điều kiện phạm tội thông qua nhiều vụ án khác nhau và kiến nghị phòng ngừa chung đối với cộng đồng.

Thứ hai, dù có căn cứ là kết quả chứng minh nguyên nhân, điều kiện phạm tội trong vụ án đến từ những thiếu sót, vi phạm trong công tác quản lý của các chủ thể, các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng không tiến hành việc kiến nghị sửa chữa. Điều này có thể xuất phát từ sự khác biệt nhận thức, đánh giá chứng cứ giữa các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, cụ thể là chưa thực sự quan tâm đến việc thực hiện quyền kiến nghị, tâm lý e ngại việc ban hành kiến nghị gây đụng chạm đến các chủ thể có liên quan, việc thực hiện quyền kiến nghị sẽ gây tốn kém thời gian, công sức để hoàn thiện về thủ tục trong việc giải quyết các vụ án hình sự. Thống kê kết quả thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát

nhân dân tối cao những năm vừa qua cho thấy tỷ lệ kiến nghị của các cơ quan tiến hành tố tụng nói chung, kiến nghị của Tòa án nói riêng nhìn chung còn thấp nếu so sánh với tổng số vụ án hình sự được đưa ra xét xử mỗi năm.¹²

Ở góc độ của các cơ quan, tổ chức hữu quan, có thể nhận thấy việc tiếp nhận, xử lý các yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng được nêu trong kiến nghị còn chậm trễ, thiếu sự cầu thị, nghiêm túc và các biện pháp khắc phục, sửa chữa vẫn còn chưa triệt để, toàn diện. Nhiều kiến nghị của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đối với các cơ quan, tổ chức hữu quan không nhận được sự thông báo, phản hồi đầy đủ. Điều này một phần cũng xuất phát từ quy định của BLTTHS chưa có cơ chế bảo đảm mọi cơ quan, tổ chức phải thực hiện nghiêm chỉnh các kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Hậu quả pháp lý của việc không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng chưa được minh định rõ ràng cũng là một trong những lý do dẫn đến chất lượng, hiệu quả việc thực hiện các kiến nghị khắc phục nguyên nhân, điều kiện phạm tội của các cơ quan, tổ chức chưa mang tính thực chất.

Bên cạnh đó, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng không có cơ chế hiệu quả nào để có thể kiểm tra, giám sát các cơ quan, tổ chức hữu quan trong việc thực hiện kiến nghị của mình đã ban hành. Mặt khác, cũng cần phải nhận thức rằng để có thể sửa chữa những thiếu sót, vi phạm trong công tác quản lý hay thậm chí ở tầm cao hơn là các cơ chế, chính sách về pháp luật trong một lĩnh vực nào đó, đòi hỏi thời gian lâu dài với sự đầu tư rất lớn về các nguồn lực khác nhau. Vì vậy, sự vào cuộc của một cơ quan, tổ chức riêng lẻ nào đó cũng khó có thể giải quyết triệt để vấn đề đặt ra như yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Quy định về thời hạn trả lời việc thực hiện kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong BLTTHS năm 2015 vẫn còn có sự bất cập, thiếu thống nhất, thể hiện ở những quy định chung. Tiêu biểu, Điều 6 khoản 2 BLTTHS năm 2015 quy định: “Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, kiến nghị, cơ quan, tổ chức hữu quan phải trả lời bằng văn bản về việc thực hiện yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng”. Trong khi đó, khoản 1 Điều 264 BLTTHS năm 2015 yêu cầu: “... Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được kiến nghị của Tòa án, cơ quan, tổ chức nhận được kiến nghị phải thông báo bằng văn bản cho Tòa án biết về những biện pháp được áp dụng”.

3. Một số kiến nghị hoàn thiện

Cần bổ sung quy định của Điều 4 BLTTHS năm 2015 nội dung giải thích từ ngữ về các khái niệm nguyên nhân, điều kiện phạm tội là gì, khái

12 Trương Văn Lợi, *Kiến nghị sửa chữa thiếu sót, vi phạm trong công tác quản lý của Tòa án theo luật TTHS Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường ĐH Luật TP. Hồ Chí Minh, 2022, tr. 10.

niệm về quyền yêu cầu, quyền kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng sau khi thực hiện hoạt động chứng minh về nguyên nhân, điều kiện phạm tội trong các vụ án hình sự. Ngoài ra, cần cân nhắc về quy định quyền yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng được quy định tại khoản 2 Điều 6 BLTTHS năm 2015. Nếu giữ nguyên như hiện tại thì phải bổ sung quy định tại Điều 168, quyền kiến nghị của Cơ quan điều tra và cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra cho phù hợp, thống nhất với quy định của điều luật này. Hạn chế của quy định theo phương án này là sự dàn trải, chung chung về quyền hạn dẫn đến hệ quả là các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có thể đùn đẩy, dựa dẫm, ý lại vào vai trò “chốt chặn” sau cùng của Tòa án. Bản thân Tòa án khi xét xử mà không thấy các cơ quan có thẩm quyền tố tụng trước đó ban hành kiến nghị thì cũng thiếu sự chủ động trong việc đánh giá chứng cứ để tìm kiếm các căn cứ kiến nghị khắc phục nguyên nhân, điều kiện phạm tội. Quy định tất cả các chủ thể có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều có trách nhiệm ban hành kiến nghị có thể dẫn đến khoảng trống về trách nhiệm pháp lý hoặc trùng lặp về thẩm quyền. Hơn nữa, nếu quy định cho các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều có quyền kiến nghị như hiện tại sẽ dẫn đến việc thừa nhận hoạt động chứng minh kết thúc ngay từ giai đoạn điều tra hoặc truy tố. Vì chỉ khi nào kết thúc hoạt động chứng minh thì mới có căn cứ pháp lý để xác định đầy đủ, toàn diện nguyên nhân, điều kiện phạm tội trong từng vụ án hình sự. Mục đích của hoạt động chứng minh là làm sáng tỏ đối tượng chứng minh, giải quyết đúng đắn vụ án hình sự. Vì vậy, quá trình này đòi hỏi sự kiểm tra, đánh giá công khai, công bằng thông qua việc tranh tụng của các bên tại Tòa án.

Vì các lý do được phân tích ở trên, bài viết kiến nghị sửa đổi nội dung của Điều 6 BLTTHS năm 2015 như sau:

“Điều 6. Phát hiện và khắc phục nguyên nhân, điều kiện phạm tội

1. Trong quá trình tiến hành tố tụng hình sự, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm phát hiện nguyên nhân và điều kiện phạm tội, yêu cầu cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp khắc phục và phòng ngừa.

2. Cơ quan, tổ chức hữu quan phải thực hiện yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, cơ quan, tổ chức hữu quan phải trả lời bằng văn bản về việc thực hiện yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng”.

Ngoài ra, khoản 8 Điều 166 BLTTHS năm 2015 nên được sửa đổi như sau:

“8. Yêu cầu cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp khắc phục nguyên nhân, điều kiện phạm tội”.

Tương tự, nên sửa đổi khoản 7 Điều 267 BLTTHS năm 2015 như sau:

“7. Yêu cầu cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng biện pháp khắc phục

nguyên nhân, điều kiện phạm tội”.

Nội dung Điều 264 BLTTHS cũng cần được sửa đổi như sau:

“Điều 264. Kiến nghị khắc phục nguyên nhân, điều kiện phạm tội

1. Cùng với việc ra bản án, Tòa án ra kiến nghị cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng biện pháp cần thiết để khắc phục nguyên nhân và điều kiện phát sinh tội phạm tại các cơ quan, tổ chức đó. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được kiến nghị của Tòa án, cơ quan, tổ chức nhận được kiến nghị phải thông báo bằng văn bản cho Tòa án biết về những biện pháp được áp dụng.

2. Kiến nghị của Tòa án có thể được đọc tại phiên tòa cùng với bản án hoặc chỉ gửi riêng cho cơ quan, tổ chức hữu quan”.

Bên cạnh đó, cần bổ sung khoản 7 Điều 5 BLTTHS năm 2015 như sau: “Điều 5. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân trong đấu tranh phòng, chống tội phạm

...

7. Thủ trưởng cơ quan, người đứng đầu tổ chức hữu quan phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc không tổ chức, triển khai thực hiện kiến nghị và không thông báo, phản hồi cho Tòa án biết về việc áp dụng các biện pháp khắc phục nguyên nhân, điều kiện phạm tội trong cơ quan, tổ chức do mình quản lý”.

Như vậy, cần thống nhất quan điểm về trách nhiệm yêu cầu, kiến nghị khắc phục nguyên nhân, điều kiện phạm tội của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng khi thực hiện hoạt động chứng minh trong việc giải quyết vụ án hình sự. Các yêu cầu của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát trong các giai đoạn tố tụng trước sẽ là cơ sở, là tiền đề cho Tòa án kiểm chứng, đánh giá một cách đầy đủ, toàn diện hơn để ban hành kiến nghị khắc phục nguyên nhân, điều kiện phạm tội trong mỗi vụ án hình sự. Kiến nghị của Tòa án có thể được đọc tại phiên tòa cùng với bản án và phải được các cơ quan, tổ chức hữu quan tôn trọng, thực hiện nghiêm chỉnh. ●

Tài liệu tham khảo

- [1] Học viện Chính trị quốc gia TP. Hồ Chí Minh, *Giáo trình Triết học Mác-Lê nin*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2022 [trans: Ho Chi Minh National Academy of Politics, *Marxist-Leninist Philosophy Textbook*, Publishing House. Political Theory, Hanoi, 2022]
- [2] Trương Văn Lợi, *Kiến nghị sửa chữa thiếu sót, vi phạm trong công tác quản lý của Tòa án theo luật TTHS Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường ĐH Luật TP. Hồ Chí Minh, 2022 [trans: Trương Văn Lợi, *Recommendation to correct shortcomings in the Court's management according to Criminal Procedure Code in Vietnam*, Law Master Thesis, Ho Chi Minh City University of Law, 2022]
- [3] Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, *Giáo trình Tội phạm học*, Nxb. Hồng Đức - Hội Luật gia VN, 2017 [trans: Ho Chi Minh City University of Law, *Criminology Textbook*, Publishing House. Hong Duc - Hoi Luat gia Viet Nam, 2015]
- [4] Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, “Kiến nghị khắc phục và phòng ngừa vi phạm, tội phạm xảy ra trong lực lượng CAND”, Hà Nội, tháng 11/2021 [trans: People's Procuratorate of the Supreme, “Recommendations and prevent violations, crimes occurring in People's public security”, November 2021]